

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Mai Lý lệ H** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 781/2023/TLVA-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: **Khu phố E, phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận** (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: **Khu phố E, phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Lê Thị Q** trình bày:

Bà **Q** và ông **Nguyễn T** chung sống với nhau vào năm 1990, vợ chồng ở nhà riêng tại **khu phố E, phường Đ, TP . - T**, đăng ký kết hôn ngày 14/01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, TP . - T. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do tính tình không hoà hợp, ông **T** thường xuyên ăn nhậu, chửi, xúc phạm, ghen tuông vô cớ và đánh đập bà **Q**. Bà **Q** và ông **T** đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Tháng 4/2023, bà **Q** đã nộp đơn ly hôn một lần, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng về sống chung không được.

Nay, tình cảm vợ chồng không còn bà **Q** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **Nguyễn T**.

Về con chung: Bà **Q** và ông **T** có 04 con chung: **Nguyễn Q1**, sinh năm 1991; **Nguyễn C**, sinh năm 1993; **Nguyễn P**, sinh năm 1995 và **Nguyễn Huyền Trang N**, sinh năm 2004; Các con đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hoà giải ngày 11/3/2024 ông **Nguyễn T** trình bày: Nội dung trình bày của bà **Q** như trên là đúng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay.

Trước đây ông có lỗi lầm với vợ nên ông đã xin lỗi và viết bản cam kết không tái diễn một lần nào nữa. Ông không đồng ý ly hôn, nếu bà **Q** nhất quyết yêu cầu phải ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không đồng ý ký biên bản.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà **Lê Thị Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông **Nguyễn T**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở **phường Đ, TP. - T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - **T** theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ

sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà **Lê Thị Q** và ông **Nguyễn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2005 ngày 14/01/2005, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, từ năm 2010 đến nay bà **Q**, ông **T** phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do tính tình không hoà hợp, ông **T** thường xuyên ăn nhậu, chửi, xúc phạm, ghen tuông vô cớ và đánh đập bà **Q**. Bà **Q** và ông **T** đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Tháng 4/2023, bà **Q** đã nộp đơn ly hôn một lần, sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng về sống chung không được. Tại phiên hoà giải ngày 11/3/2024 ông **Nguyễn T** thừa nhận nội dung trình bày của bà **Q** như trên là đúng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Tình trạng mâu thuẫn giữa bà **Q** và ông **T** được Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận ngày 23/02/2024. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa Bà **Q** và ông **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Bà **Q** và ông **T** có 04 con chung: **Nguyễn Q1**, sinh năm 1991; **Nguyễn C**, sinh năm 1993; **Nguyễn P**, sinh năm 1995 và **Nguyễn Huyền Trang N**, sinh năm 2004; Các con đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P - T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **Lê Thị Q** được ly hôn với ông **Nguyễn T**.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà **Lê Thị Q** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà **Q** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000535 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - **T**, tỉnh Ninh Thuận. Bà **Lê Thị Q** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Đạo Long, (GKH số 07 ngày 14/01/2005);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

